

Số: 1421/2019/QĐST-HNGĐ

G, ngày 29 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1420/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Một bên là: Bà Võ Trương Liên B, sinh năm 1975; Địa chỉ: Quang T, Phường MH, quận G, Tp.Hồ Chí Minh.

Một bên là: Ông Mai Hữu Thanh B, sinh năm 1976; Địa chỉ: Quang T, Phường MH, quận G, Tp.Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa bà Võ Trương Liên B và ông Mai Hữu Thanh B là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2004 ngày 04/02/2004 của Ủy ban nhân phường PH, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 17/10/2019 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21/10/2019, bà B và ông B thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Trương Liên B và ông Mai Hữu Thanh B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2004 ngày 04/02/2004 của Ủy ban nhân phường PH, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung là Mai Hữu Minh T, sinh ngày 25/11/2004 và Mai Võ Minh C, sinh ngày 12/4/2010. Giao cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 đồng cho hai con đến khi các con trưởng thành.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ, người thân thích; cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà B tự nguyện chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí bà B đã nộp theo biên lai số 0001859 ngày 18/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Q.G;
- UBND phường PH,  
Tp. H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS Q. G;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**  
(Đã ký)

**Tô Văn Mạnh**